

Số: /GCN-SXD

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

**GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM
CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG**

Căn cứ Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng; Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 56/QĐ-UBND ngày 22/9/2025 của UBND thành phố Hà Nội về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Xây dựng thành phố Hà Nội;

Xét hồ sơ đăng ký cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng của Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Đăng Quang; Biên bản đánh giá tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng ngày 03/10/2025; Báo cáo kết quả khắc phục các nội dung chưa phù hợp ngày 08/10/2025 của Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Đăng Quang; Biên bản kiểm tra đánh giá nội dung khắc phục ngày 22/10/2025 giữa các thành viên đoàn đánh giá và tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng.

CHỨNG NHẬN:

1. Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Đăng Quang

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Mã số doanh nghiệp số: 0107031787 do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 16/10/2025, đăng ký thay đổi thay đổi lần thứ 4 Sở Tài chính thành phố Hà Nội cấp ngày 25/6/2025.

Địa chỉ: Số nhà 68, tổ 18, phường Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

Điện thoại: 0963.894.186

Email: dangquangtesting@gmail.com

Tên phòng thí nghiệm: **Trung tâm Thí nghiệm Địa kỹ thuật & Kiểm định công trình Đăng Quang Testing.**

Địa chỉ đặt phòng thí nghiệm: P103, ngõ 122 Mai Dịch, phường Phú Diễn, thành phố Hà Nội.

Điện thoại: 0927.080777

Email: dangngansongtvt53@gmail.com

Đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng với các chỉ tiêu thí nghiệm nêu trong bảng Danh mục kèm theo Giấy chứng nhận này.

2. Mã số phòng thí nghiệm: **LAS-XD HAN.018**

3. Giấy chứng nhận này có hiệu lực 05 năm kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Đăng Quang;
- Bộ Xây dựng; | (để báo cáo)
- Đ/c Giám đốc Sở XD; |
- Đ/c Nguyễn Thế Công - PGĐ Sở;
- Lưu: VT, P.QLKT&GDCL (Uyên,03b).

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Thế Công

**DANH MỤC CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM
CỦA PHÒNG THÍ NGHIỆM LAS-XD HÀN.018**

(Kèm theo Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng
số: /GCN-SXD, ngày tháng 10 năm 2025)

STT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật
I	THỬ NGHIỆM CỐT LIỆU CHO BÊ TÔNG VÀ VỮA	
1	Xác định thành phần hạt	TCVN 7572-2:2006
2	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước của hạt cốt liệu có kích thước không lớn hơn 40 mm	TCVN 7572-4:2006
3	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước của đá gốc và hạt cốt liệu có kích thước lớn hơn 40 mm	TCVN 7572-5:2006
4	Xác định khối lượng thể tích xốp và độ hong	TCVN 7572-6:2006
5	Xác định độ ẩm	TCVN 7572-7:2006
6	Xác định hàm lượng bùn, bụi, sét trong cốt liệu và hàm lượng sét cục trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-8:2006
7	Xác định tạp chất hữu cơ	TCVN 7572-9:2006
8	Xác định cường độ và hệ số hoá mềm của đá gốc	TCVN 7572-10:2006
9	Xác định độ nén đập và hệ số hoá mềm của cốt liệu lớn	TCVN 7572-11:2006
10	Xác định hàm lượng hạt thoi dẹt trong cốt liệu lớn	TCVN 7572-13:2006
II	THỬ NGHIỆM BÊ TÔNG VÀ HỖN HỢP BÊ TÔNG	
11	Xác định độ sụt của hỗn hợp bê tông	TCVN 3106:2022 ASTM C143/C143M
12	Xác định khối lượng thể tích hỗn hợp bê tông	TCVN 3108:1993
13	Phân tích thành phần	TCVN 3110:1993
14	Xác định khối lượng riêng và độ rỗng	TCVN 3112:2022
15	Xác định độ hút nước	TCVN 3113:2022
16	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 3115:2022
17	Xác định cường độ chịu nén	TCVN 3118:2022
18	Xác định cường độ chịu kéo khi uốn	TCVN 3119:2022
19	Xác định cường độ kéo khi bẻ	TCVN 3120:2022
III	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ ĐẤT TRONG PHÒNG	
20	Xác định khối lượng riêng	TCVN 4195:2012; ASTM D854; TB 10102:2023
21	Xác định độ ẩm và độ hút ẩm	TCVN 4196:2012; ASTM D2216; TB 10102:2023
22	Xác định giới hạn dẻo và giới hạn chảy	TCVN 4197:2012; ASTM D4318; TB 10102:2023

STT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật
23	Xác định thành phần hạt	TCVN 4198:2014; ASTM C136; ASTM D1140; ASTM D422; TB10102:2023
24	Xác định sức chống cắt trên máy phẳng	TCVN 4199:1995; ASTM D3080; TB 10102:2023
25	Xác định tính nén lún (trong điều kiện không nở hông)	TCVN 4200:2012; D2435/D2435M; TB 10102:2023
26	Xác định độ chặt tiêu chuẩn	TCVN 4201:2012; TB 10102:2023
27	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 4202:2012; ASTM D7263;D2937 TB 10102:2023
28	Xác định các đặc trưng tan rã của đất	TCVN 8718:2012; TB 10102:2023
29	Xác định các đặc trưng trương nở của đất	TCVN 8719:2012; TB 10102:2023
30	Xác định các đặc trưng co ngót của đất	TCVN 8720:2012; TB 10102:2023
31	Xác định khối lượng thể tích khô lớn nhất và nhỏ nhất của đất rời	TCVN 8721:2012; TB 10102:2023
32	Xác định các đặc trưng lún ướt của đất	TCVN 8722:2012; TB 10102:2023
33	Xác định hệ số thấm của đất	TCVN 8723:2012; ASTM D2434; TB 10102:2023
34	Xác định góc nghỉ tự nhiên của đất rời	TCVN 8724:2012; TB 10102:2023
35	Xác định hàm lượng chất hữu cơ	TCVN 8726:2012; ASTM D2974; TB 10102:2023
36	Xác định sức kháng cắt (không cố kết - không thoát nước, cố kết - không thoát nước, cố kết- thoát nước) của đất dính trên thiết bị nén ba trục	TCVN 8868:2011; ASTM D2850; ASTM D4767; TB 10102:2023
37	Xác định độ bền nén một trục nở hông	TCVN 9438:2012; ASTM D2166; TB 10102:2023
38	Đảm nén Proctor	TCVN 12790:2020

STT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật
39	Xác định tỷ số CBR	TCVN 12792:2020; ASTM D1883; TB 10102:2023
IV	THỬ NGHIỆM NƯỚC CHO XÂY DỰNG	
40	Xác định lượng tạp chất hữu cơ	TCVN 4506:2012; TCVN 6186:1996
41	Xác định lượng cặn không tan	TCVN 4560:1988
42	Xác định chỉ số Pemanganat	TCVN 6186:1996
43	Xác định Clorua -	TCVN 6194:1996
44	Xác định Natri và Kali	TCVN 6196-3:2000
45	Xác định hàm lượng Canxi	TCVN 6198:1996
46	Xác định Sunfat	TCVN 6200:1996
47	Xác định tổng Canxi và Magiê	TCVN 6224:1996
48	Xác định pH	TCVN 6492:2011
49	Xác định độ kiềm tổng số và độ kiềm Composite	TCVN 6636-1:2000
50	Xác định độ kiềm cacbonat	TCVN 6636-2:2000
51	Xác định Cabonic (CO ₂) tự do và ăn mòn, độ cacbonat, độ cứng toàn phần, độ cứng không cacbonat	TCXD 81:1981
V	THỬ NGHIỆM KIM LOẠI - LIÊN KẾT HÀN	
52	Vật liệu kim loại - Thử kéo	TCVN 197-1:2014
53	Vật liệu kim loại - Thử uốn	TCVN 198:2008
54	Xác định độ dày, kích thước hình học của thép cốt bê tông	TCVN 1651-1,2:2008; ASTM A500
55	Bu lông: Thử kéo	TCVN 1916:1995; EN ISO 898-1
56	Mạ kim loại - Kiểm tra chiều dày lớp mạ	TCVN 4392:1986 ASTM E376
57	Lớp phủ kẽm nhúng nóng trên bề mặt sản phẩm gang và thép - Xác định chiều dày lớp phủ	TCVN 5408:2007 ASTM E376
58	Thép thanh cốt bê tông - Thử uốn và uốn lại không hoàn toàn	TCVN 6287:1997
59	Cáp thép thông dụng - Phương pháp xác định tải trọng phá hỏng thực tế	TCVN 6368:1998
60	Thử phá hủy mối hàn vật liệu kim loại - Thử uốn	TCVN 5401:2010
61	Thử phá hủy mối hàn trên vật liệu kim loại - Thử kéo ngang	TCVN 8310:2010
62	Thử phá hủy mối hàn trên vật liệu kim loại - Thử kéo dọc kim loại mối hàn trên mối hàn nóng chảy	TCVN 8311:2010
63	Xác định độ dày, kích thước hình học của ống thép không gỉ	TCVN 9833:2013
VI	THỬ NGHIỆM ĐÁ XÂY DỰNG TRONG PHÒNG THÍ NGHIỆM	

STT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật
64	Xác định độ ẩm tự nhiên, Xác định độ ẩm khô gió, Xác định độ ẩm bão hòa	TCVN 10321:2014; TB 10115:2023
65	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 10322:2014; TB 10115:2023
66	Xác định độ bền nén một trục	TCVN 10324:2014; TB 10115:2023
VII	THỬ NGHIỆM HIỆN TRƯỜNG	
67	Đất xây dựng công trình thủy lợi: Phương pháp xác định độ ẩm của đất tại hiện trường	TCVN 8728:2012
68	Đất xây dựng công trình thủy lợi: Phương pháp xác định khối lượng thể tích của đất	TCVN 8729:2012
69	Đất xây dựng công trình thủy lợi: Phương pháp xác định độ chặt của đất sau đầm nén (phương pháp rót cát)	TCVN 8730:2012
70	Xác định chỉ số CBR của nền đất và các lớp móng đường bằng vật liệu rời	TCVN 8821:2011; ASTM D4429
71	Áo đường mềm - Xác định mô đun đàn hồi của nền đất bằng phương pháp sử dụng tấm ép cứng	TCVN 8861:2011
72	Áo đường mềm - Xác định độ võng đàn hồi bằng phương pháp cần Benkelman	TCVN 8867:2025
73	Đất xây dựng - Thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn (SPT)	TCVN 9351:2012; ASTM D1586
74	Đất xây dựng - Xác định mô đun biến dạng của đất tại hiện trường bằng tấm nén phẳng	TCVN 9354:2012
75	Cọc - Thử nghiệm hiện trường bằng tải trọng tĩnh ép dọc trục	TCVN 9393:2012; ASTM D1143; ASTM D8169/D8169M
76	Bê tông - Xác định cường độ kéo nhỏ	TCVN 9490:2012; BS 8539:2021
77	Xác định sức chống cắt không thoát nước của đất dính bằng thí nghiệm cắt cánh hiện trường	TCVN 10184:2021; ASTM D2573
78	Xác định cường độ bê tông trên mẫu lấy từ kết cấu	TCVN 12252:2020
79	Xác định độ chặt của đất tại hiện trường bằng phương pháp dao đai	TCVN 12791:2020
80	Thí nghiệm nhỏ cọc	ASTM D3689
81	Thí nghiệm cọc dưới tác dụng của lực đẩy ngang	ASTM D3966

Ghi chú (*): Các chỉ tiêu kỹ thuật dùng cho các phép thử được liệt kê đầy đủ, bao gồm tiêu chuẩn Việt Nam và nước ngoài (nếu có). Khi có phiên bản mới về tiêu chuẩn kỹ thuật thay thế tiêu chuẩn cũ, phải áp dụng tiêu chuẩn mới tương ứng.